TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGHĨA LỘ** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/HNGĐ-ST
Ngày:10- 5 - 2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phú
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hà Văn Tý
2. Ông Phạm Việt Cường

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái*** *tham gia phiên toà:* Ông Đỗ Thái Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2023/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2023/QĐST- HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1992
Địa chỉ: Thôn A, xã N, thị xã N tỉnh Yên Bái.
"Có đơn xin xử vắng mặt"

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Cần**, sinh năm 1988
Địa chỉ: Thôn A, xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái.
"Vắng mặt không có lý do"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/9/2018 tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thôn A, xã N, thị xã N, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, chị T có con riêng trước khi kết hôn với anh C, nhưng anh C không thông cảm và chia sẻ với chị, có sự phân biệt đối xử với con riêng của chị dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân được 01 năm. Nay chị T xác định không còn tình cảm đối với anh C nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/7/2019. Ly hôn chị T để anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị T đã cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh của Nguyễn Minh K, bản sao CCCD của Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn C; xác nhận thông tin về cư trú của Nguyễn Văn C.

Tại biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh kết hôn với chị T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày17/9/2018 tại UBND xã N, huyện V. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn A, xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn phát sinh từ cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, sau đó chị T đưa con chung về bên ngoại và đi làm xa nhà, anh và chị T đã sống ly thân được 01 năm. Về con chung anh C có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Minh K, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án, việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải chị T và anh C không bổ sung tài liệu gì. Về quan hệ hôn nhân: Chị T xin ly hôn, anh C xin đoàn tụ; về con chung: Các đương sự thống nhất về việc nuôi con chung, nếu ly hôn anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Minh K, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh thể hiện, chị T và anh C có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do họ bất đồng quan điểm sống, anh C có tính gia trưởng, bảo thủ, vợ chồng họ đã sống ly thân, hiện nay chị T đi làm xa nhà. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, nuôi con chung đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật là không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/7/2019. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*:

Ngày 31/01/2023 chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn C có hộ khẩu thường trú tại xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Căn cứ quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ.

[2]*Về thủ tục tố tụng:*

Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng gồm: Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HNGĐ, Giấy triệu tập và Quyết định hoãn phiên tòa số:07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2023, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh C vẫn vắng mặt không có lý do, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3]*Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày17/9/2018 tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chia sẻ với nhau trong cuộc sống, họ đã sống ly thân được 01 năm, anh C mong muốn đoàn tụ, nhưng không có biện pháp gì để cải thiện được quan hệ vợ chồng, hiện nay chị Thư đi làm xa, mỗi người một nơi, không quan tâm đến anh C nữa, thể hiện hôn nhân của họ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Chị T và anh C có 01 con chung là Nguyễn Minh K sinh ngày 18/7/2019. Các đương sự thỏa thuận anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận đó của các đương sự.

[5] *Về tài sản chung*: Chị T và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Những đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147;khoản 1 Điều 228, Điều 238;Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau. Anh Nguyễn Văn C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/7/2019. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi cón có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về án phí:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số AA/2021/0003013 ngày 31/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghĩa Lộ; chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- CCTHADS TX Nghĩa Lộ;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Thị Phú